

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **89/2021/HS-ST**

Ngày: 25/02/2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hải Thị Liễu

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Phạm Doãn Đức

- Ông Trần Công Danh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quang Minh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Duy Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2021/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 49/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Duy L (Tên gọi khác: L1), sinh năm 1976 tại thành phố M; Giới tính: Nam;

Nơi cư trú: 24A/4, khu phố 10, phường T, thành phố B, tỉnh Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: không; chức vụ, đảng phái: không; họ và tên cha Lê Công T, sinh năm 1944 (đã chết); họ và tên mẹ Đặng Thị N, sinh năm 1955 (còn sống); gia đình bị cáo có 05 anh em, bị cáo là con thứ nhất; bị cáo sống chung như vợ chồng với chị Võ Thị X, sinh năm 1984 (chưa đăng ký kết hôn) và có 02 người con (lớn nhất sinh năm 2003 và nhỏ nhất sinh năm 2004);

Tiền án: Ngày 25/9/2008, bị Toà án nhân dân quận Đ, thành phố M xử phạt 05 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” và 06 tháng tù giam về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, quy định tại các Điều 138 và 250 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; (chưa chấp hành phần bồi thường dân sự).

Bị tạm giữ từ ngày 17 tháng 10 năm 2020. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Bị hại: Chị Võ Thảo Nh, sinh ngày 01/11/2003

Địa chỉ: Ấp 6, xã Đ1, huyện L, tỉnh P.

Đại diện hợp pháp của bị hại: ông Võ Văn H, sinh năm 1960 và bà Trần Thị Ng, sinh năm 1971

Địa chỉ: Ấp 6, xã Đ1, huyện L, tỉnh P.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Phạm Thị Tr, sinh ngày 28/12/2003

Đại diện theo hợp pháp của chị Tr là bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1977 và ông Phạm Văn D, sinh năm 1971.

+ Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: Ấp Lợi Hà, xã T, huyện Tr, tỉnh Đ.

(Bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ 00 phút ngày 16 tháng 10 năm 2020, Lê Duy L điều khiển xe mô tô hiệu ZONGSHEN biển số 60K1-2106 đến tiệm game bắn cá “Rồng đỏ” ở đường Phát Triển, phường A, thành phố B để chơi thì gặp đối tượng tên T2 (không rõ họ và địa chỉ) là bạn quen qua chơi game. Tại đây, T1 rủ L đi trộm cắp tài sản thì L đồng ý và giao xe mô tô trên cho T2 điều khiển chở L đi tìm tài sản sơ hở để thực hiện. Khi L và T2 đi đến khu vực trước quán “Rebel” tại địa chỉ 243/5, khu phố 7, phường H, thành phố B, tỉnh Đ thì phát hiện xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 60B8-877.91 của chị Võ Thảo Nh (sinh năm 2003, ngụ tại: ấp 6, xã Đ1, huyện L, tỉnh P) là nhân viên của quán, đang dựng bên trong quán, không có người trông coi, T1 dừng xe nói L đứng bên ngoài canh giới, còn T1 đi bộ vào trong quán dùng đoạn kim loại (T1 mang theo trước đó) phá mở ổ khoá xe mô tô trên của chị Nh rồi ngồi lên xe nổ máy chạy ra ngoài cùng với L điều khiển xe về hướng phường A, thành phố B tẩu thoát. Sau đó, L về lại phòng trọ của L tại khu phố 10, phường A còn T2 đã bỏ đi cùng với chiếc xe mô tô Yamaha Sirius biển số 60B8-877.91 của chị Nh. Đến khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày, trên đường L điều khiển xe mô tô biển số 60K1-2106 đến tiệm game bắn cá “Rồng đỏ” thì bị Công an phường A phối hợp với Công an phường H mời về phường làm việc, L đã khai nhận về hành vi phạm tội như trên nên vụ việc đã được chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa khởi tố, điều tra xử lý.

Vật chứng của vụ án gồm:

- 01 chiếc xe mô tô hiệu ZONGSHEN màu xanh đen, biển số 60K1-2106 (số máy: 299003023, số khung: 2004729) tạm giữ của bị cáo L. Kết quả tra cứu chiếc xe do ông Nguyễn Văn L2 (sinh năm 1976, ngụ tại ấp Tam Hiệp, xã X, huyện X1, tỉnh Đ) đứng tên chủ sở hữu; ông L2 xác định đã bán chiếc xe này cho người khác (không rõ nhân thân, lai lịch). Bị cáo L khai đã mượn chiếc xe trên của anh Phan Văn N (sinh năm 1989, ngụ tại khu phố 10, phường A, thành phố B, tỉnh Đ) nhưng anh N không cung cấp được giấy tờ xe, chưa xác minh rõ được nguồn gốc chuyển nhượng chiếc xe trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục tạm giữ, xác minh làm rõ để xử lý sau;

- 01 chiếc xe mô tô hiệu Sirius màu đỏ đen biển số 60B8-887.91, bị chiếm đoạt chưa thu hồi được, là xe của bà Nguyễn Thị T1 (sinh năm 1977, ngụ tại ấp Lợi Hà, xã T, huyện Tr, tỉnh Đ) được chị Phạm Thị Tr (sinh năm 2003) là con ruột của bà T1 cho bạn là chị Võ Thảo Nh (sinh năm 2003, ngụ tại ấp 6, xã Đ1,

huyện L, tỉnh P) mượn để sử dụng thì bị L và T1 lấy trộm, hiện nay chưa bắt được T1 nên chưa thu hồi được xe mô tô trên;

- 01 thiết bị lưu trữ (USB) ký hiệu CUSIGLE CU95/ 8GB, có chứa nội dung ghi hình liên quan đến hành vi phạm tội trong vụ án, được lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 463/KL-HĐĐGTS ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Biên Hòa kết luận: “01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, biển số 60B8-877.91, đã qua sử dụng, chất lượng còn lại 80%, trị giá 15.040.000 đồng (Mười lăm triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng)”.

Về dân sự: Bị hại chị Võ Thảo Nh, cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T1 và chị Phạm Thị Tr yêu cầu bị cáo L bồi thường số tiền 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng). Bị cáo chưa bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số 81/CT-VKSBH ngày 20/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Lê Duy L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) với tình tiết tăng nặng “tái phạm”.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” như đã nêu trên.

Do đó đề nghị: áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo: Lê Duy Linh từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Xử lý vật chứng: 01 chiếc xe mô tô hiệu ZONGSHEN màu xanh đen, biển số 60K1-2106 (số máy: 299003023, số khung: 2004729) tạm giữ của bị can L. Kết quả tra cứu chiếc xe do ông Nguyễn Văn L2 (sinh năm 1976, ngụ tại ấp Tam Hiệp, xã X, huyện X1, tỉnh Đ) đứng tên chủ sở hữu; ông L2 xác định đã bán chiếc xe này cho người khác (không rõ nhân thân, lai lịch). Bị cáo L khai đã mượn chiếc xe trên của anh Phan Văn N (sinh năm 1989, ngụ tại khu phố 10, phường A, thành phố B, tỉnh Đ) nhưng anh N không cung cấp được giấy tờ xe, chưa xác minh rõ được nguồn gốc chuyển nhượng chiếc xe trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục tạm giữ, xác minh làm rõ để xử lý sau;

- 01 chiếc xe mô tô hiệu Sirius màu đỏ đen biển số 60B8-887.91, bị chiếm đoạt chưa thu hồi được, là xe của bà Nguyễn Thị T1 (sinh năm 1977, ngụ tại ấp Lợi Hà, xã T, huyện Tr, tỉnh Đ) được chị Phạm Thị Tr (sinh năm 2003) là con ruột của bà T1 cho bạn là chị Võ Thảo Nh (sinh năm 2003, ngụ tại ấp 6, xã Đ1, huyện L, tỉnh P) mượn để sử dụng thì bị L và T2 lấy trộm, hiện nay chưa bắt được T2 nên chưa thu hồi được xe mô tô trên;

- 01 thiết bị lưu trữ (USB) ký hiệu CUSIGLE CU95/ 8GB, có chứa nội dung ghi hình liên quan đến hành vi phạm tội trong vụ án, được lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra bị cáo Lê Duy L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai trong biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Do đó, đủ cơ sở kết luận: Lê Duy L cùng tên T2 (chưa rõ lai lịch) có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, biển số 60B8-877.91 của chị Võ Thảo Nh mượn của chị Phạm Thị Tr. Theo kết luận định giá, chiếc xe bị chiếm đoạt trị giá 15.040.000 đồng (Mười lăm triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng).

Từ căn cứ trên, xác định hành vi của bị cáo Lê Duy L đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo L có 01 tiền án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo Lê Duy L là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Đối với đối tượng tên T2 (chưa rõ lai lịch) có dấu hiệu đồng phạm về tội “Trộm cắp tài sản” trong vụ án, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ để xử lý theo quy định pháp luật.

[3] Về các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

- Xét tính chất mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang và mất trật tự trị an tại địa phương. Bản thân bị cáo là người đã trưởng thành ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội thể hiện xem thường pháp luật, khó cải tạo. Do đó, cần áp dụng mức án nghiêm đối với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo phạm vào tình tiết tăng nặng “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm

2017). Vì vậy, Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần mức hình phạt cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Theo bản kết luận định giá, giá trị chiếc xe mô tô hiệu Sirius bị chiếm đoạt có trị giá là 15.040.000đ (mười lăm triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng). Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã giải thích về quyền yêu cầu bồi thường dân sự tuy nhiên bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại chỉ yêu cầu bồi thường giá trị chiếc xe bị chiếm đoạt số tiền 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng). Bị cáo Lê Duy L đồng ý bồi thường số tiền theo yêu cầu của bị hại. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận về phần bồi thường dân sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu bị cáo bồi thường theo yêu cầu của bị hại. Chị Tr và bà T1 không có yêu cầu bồi thường trong vụ án này do đó, hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 chiếc xe mô tô hiệu ZONGSHEN màu xanh đen, biển số 60K1-2106 (số máy: 299003023, số khung: 2004729) tạm giữ của bị cáo L. Kết quả tra cứu chiếc xe do ông Nguyễn Văn L2 (sinh năm 1976, ngụ tại ấp Tam Hiệp, xã X, huyện X2, tỉnh Đ) đứng tên chủ sở hữu; ông L1 xác định đã bán chiếc xe này cho người khác (không rõ nhân thân, lai lịch). Bị cáo L khai đã mượn chiếc xe trên của anh Phan Văn N (sinh năm 1989, ngụ tại khu phố 10, phường A, thành phố B, tỉnh Đ) nhưng anh N không cung cấp được giấy tờ xe, chưa xác minh rõ được nguồn gốc chuyển nhượng chiếc xe trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục tạm giữ, xác minh làm rõ để xử lý sau là phù hợp.

Đối với 01 chiếc xe mô tô hiệu Sirius màu đỏ đen biển số 60B8-887.91, bị chiếm đoạt chưa thu hồi được, là xe của bà Nguyễn Thị T1 (sinh năm 1977, ngụ tại ấp Lợi Hà, xã T, huyện Tr, tỉnh Đ) được chị Phạm Thị Tr (sinh năm 2003) là con ruột của bà T1 cho bạn là chị Võ Thảo Nh (sinh năm 2003, ngụ tại ấp 6, xã Đ1, huyện L, tỉnh P) mượn để sử dụng thì bị L và T2 lấy trộm, hiện nay chưa bắt được T2 nên chưa thu hồi được xe mô tô trên.

01 thiết bị lưu trữ (USB) ký hiệu CUSIGLE CU95/ 8GB, có chứa nội dung ghi hình liên quan đến hành vi phạm tội trong vụ án, được lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Duy L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử phạt:

- Bị cáo Lê Duy L: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/10/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; áp dụng Khoản 5 Điều 275, 357, 468; 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại với bị cáo Lê Duy L, bị cáo L phải bồi thường cho bị hại chị Võ Thảo Nh số tiền 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng) nhưng do đại diện hợp pháp của bị hại là ông Võ Văn H và bà Trần Thị Ng nhận thay.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành các số tiền nêu trên, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại Khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Lê Duy L phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 700.000đ (bảy trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan Thi hành án hình sự TP.Biên Hòa;
- Nhà tạm giữ Công an TP.Biên Hòa;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo; bị hại; ĐDBH; NLQ; ĐDHPNLQ
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hải Thị Liễu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA